

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC PHÁT HUY LỢI THẾ SO SÁNH ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ CÁC ĐỊA PHƯƠNG

Ngô Thúy Quỳnh

Khoa Quản lí Nhà nước về Đô thị và Nông thôn, Học viện Hành chính Quốc gia

Tóm tắt. Việt Nam có 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, mỗi địa phương có tiềm năng thế mạnh và lợi thế so sánh không giống nhau, song, trong quá trình thực hiện chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa địa phương nào cũng muốn phát triển mạnh công nghiệp, thu hút nhiều dự án đầu tư có công nghệ trung bình và thấp nên năng suất lao động của rất nhiều tỉnh đạt mức thấp. Ở Việt Nam, hầu hết các địa phương chưa phát huy tốt tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh để phát triển kinh tế, hình thành các sản phẩm chủ lực nhằm bứt phá trong phát triển kinh tế theo hướng thịnh vượng và bền vững. Bài viết góp phần làm rõ định hướng quản lí nhà nước đối với phát huy tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh của các địa phương để làm giàu kinh tế các địa phương cũng như thịnh vượng quốc gia.

Từ khóa: Vai trò, lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh, phát triển kinh tế hiệu quả và bền vững.

1. Mở đầu

Khi bàn về phát triển nói chung và tái cơ cấu kinh tế nói riêng đối với quốc gia hay đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi tắt là địa phương), người ta hay nói tới những vấn đề như phải xác định rõ lợi thế so sánh, cần phát huy lợi thế so sánh để phát triển kinh tế của quốc gia cũng như của các địa phương nhưng lợi thế so sánh là gì, nhận biết nó ra sao và ai là người phát huy chúng thì dường như còn chưa tường minh. Ở Việt Nam trong quá trình triển khai chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chính quyền các địa phương thi nhau phát triển công nghiệp, sự phát triển công nghiệp ở các địa phương rất nhanh, ồ ạt đã xuất hiện tình trạng chông chéo, tồn diện tích đất đai, hầu hết các doanh nghiệp chỉ có công nghệ trung bình và thấp nên năng suất lao động của Việt Nam đang ở mức thấp so các quốc gia trong khu vực. Vào năm 2015-2017 năng suất lao động của Việt Nam chỉ bằng khoảng 1/20 của Singapore, 1/4 của Malaysia, 1/3 của Thái Lan [1]. Đối với Việt Nam, vai trò của nhà nước và chính quyền các địa phương trong việc phát huy tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh để thịnh vượng là vấn đề mang ý nghĩa to lớn và có tầm chiến lược. Từ nhận thức như vậy tác giả bài viết xin trình bày một số vấn đề quan trọng về vấn đề này để những ai quan tâm có thêm thông tin tham khảo.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lí luận về phát huy lợi thế so sánh để phát triển kinh tế

2.1.1. Nhận biết về lợi thế so sánh

Từ phân tích lí thuyết [2] về lợi thế cạnh tranh trong thương mại đến quan sát thực tiễn phát triển theo quan điểm phát huy lợi thế so sánh, tác giả đồng tình với quan điểm của học giả Ngô

Doãn Vịnh và cho rằng, lợi thế so sánh là “*giá trị*” vượt hơn của các yếu tố được sử dụng để phát triển kinh tế của một quốc gia này so với một hoặc vài quốc gia khác hay của một tỉnh này so với một hay một hoặc vài tỉnh khác. Lợi thế so sánh hình thành nên không chỉ do yếu tố tự nhiên mà còn do kết quả xây dựng, phát triển kinh tế của con người. Nó không bất biến, nó thay đổi theo thời gian và phụ thuộc vào trình độ phát triển của công nghệ cũng như phụ thuộc vào ý thức, ý chí của con người, nhất là của người đứng đầu quốc gia hoặc tỉnh/huyện/xã. Khi bàn thảo về lợi thế so sánh cần chú ý những điểm chính sau đây:

- Lợi thế so sánh là điểm mạnh hơn, ưu thế hơn về các yếu tố, điều kiện phát triển
- Phải có ít nhất là hai đối tượng để so sánh
- Phải so sánh cùng yếu tố xem xét lợi thế và so sánh cùng thời điểm
- Phải có tiêu chí để so sánh

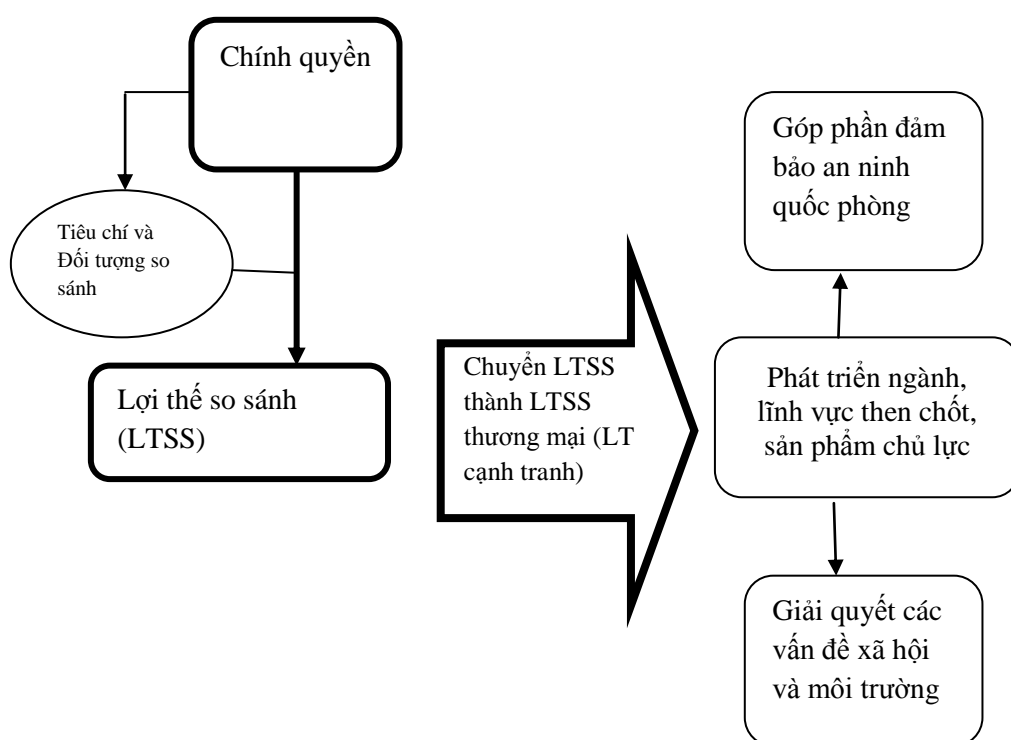
Khi nghiên cứu lợi thế so sánh người ta thường sử dụng phương pháp phân tích mô hình SWOT, phân tích hệ thống, tham vấn chuyên gia và thông qua đánh giá theo thang điểm.

Bảng 1. Nhận diện lợi thế so sánh của quốc gia hay của địa phương

Phương diện	Đặc trưng	Biểu hiện của lợi thế so sánh
1. Vị trí địa lí	Vị trí địa lí	Vị trí địa kinh tế - chính trị
2. Tài nguyên	Tài nguyên thiên nhiên	Đất cho trồng trọt và phát triển phi nông nghiệp
		Rừng cho du lịch và phát triển công nghiệp chế biến
		Khoáng sản cho phát triển công nghiệp khai thác và chế biến
		Tiềm năng thủy điện
	Tài nguyên nhân văn	Di tích, Di sản, Phi vật thể cho phát triển du lịch
3. Nhân lực và trí tuệ	Số lượng	Sức mua và thị trường
	Trí tuệ	Sáng tạo
4. Thể chế	Thể chế chính trị	Ổn định và đảm bảo ổn định
	Thể chế kinh tế và năng lực cạnh tranh về quản lí	Cởi mở, công khai minh bạch, thuận lợi
5. Kết cấu hạ tầng kĩ thuật	Điện	Cung cấp đủ điện
	Giao thông vận tải	Vận tải thuận lợi

2.1.2. Chuyển hóa lợi thế so sánh thành lợi thế cạnh tranh để phát triển kinh tế

Điều quan trọng là biến lợi thế so sánh về vị trí địa lí, tài nguyên, nhân lực và trí tuệ, điều kiện kết cấu hạ tầng (nếu có) thành lợi thế cạnh tranh (có được chí phí đầu vào thấp, có khả năng thu được lợi nhuận cao hơn, có điều kiện sống tốt hơn, chính quyền thân thiện... làm cho giá thành sản phẩm rẻ hơn và chất lượng sản phẩm tốt hơn so các đối thủ cạnh tranh). Việc chuyển hóa này do Nhà nước thực hiện (cả chính quyền trung ương và chính quyền địa phương, có sự tham gia của đội ngũ doanh nghiệp) và nó diễn ra theo một quá trình, thời gian diễn ra của việc chuyển hóa nhanh hay chậm do Nhà nước và chính quyền địa phương quyết định là chủ yếu.



Hình 1. Chính quyền và vấn đề chuyển lợi thế so sánh thành lợi thế cạnh tranh để phát triển kinh tế

Bảng 2. Khái quát lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh của các vùng miền ở Việt Nam

Vùng lãnh thổ	Lợi thế so sánh	Lợi thế cạnh tranh và định hướng phát triển
Vùng miền núi trung du	Nhiều đất rừng, đất trồng cây ăn trái, cây công nghiệp, nhiều khoáng sản, thủy điện, có biên giới dễ dàng giao thương với nước láng giềng	Sản xuất gỗ, giấy, thủy điện, khai khoáng, trồng cây ăn trái và cây công nghiệp, giao thương biên giới
Vùng đồng bằng	Ít đất nhưng đất đai phì nhiêu, gần cảng biển, có sân bay, dễ dàng nối kết với các nơi (cả trong nước và quốc tế), sản xuất lúa gạo, nuôi trồng thủy sản, lao động có chất lượng tốt và thuận lợi phát triển công nghiệp, đô thị	Thu hút FDI, sản xuất công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ tài chính tiền tệ, viễn thông, du lịch, thương mại và phát triển nông nghiệp hàng hóa
Vùng ven biển, biển và hải đảo	Nhiều nguồn lợi biển, có cảng biển, sân bay, có một số hải đảo giàu tiềm năng phát triển kinh tế tầm cỡ toàn cầu	Thu hút FDI, phát triển kinh tế biển (kinh tế hàng hải, kinh tế tài nguyên, logistic, du lịch biển) và phát triển công nghiệp gắn với cảng biển và kinh tế hàng hải

Nguồn: Tác giả

Trong bối cảnh Việt Nam, Chính quyền các cấp có vai trò quan trọng trong việc xác định và phát huy lợi thế so sánh; đồng thời chuyển từ lợi thế so sánh sang lợi thế cạnh tranh.

Việt Nam có miền núi trung du, đồng bằng và ven biển gắn với biển, hải đảo. Mỗi khu vực lãnh thổ và các tỉnh thuộc nó có đặc điểm khác nhau về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội cũng như có tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh để phát triển kinh tế không giống nhau. Nếu phát huy tốt tiềm năng, lợi thế các địa phương sẽ bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thịnh vượng đất nước.

2.1.3. Phát huy lợi thế so sánh

Về bản chất phát huy lợi thế so sánh chính là việc chuyển hóa lợi thế so sánh thành lợi thế cạnh tranh, tạo ra các giá trị thực cho phát triển kinh tế, đem lại lợi ích kinh tế nhiều hơn cho doanh nghiệp, địa phương và cho quốc gia. Muốn phát huy một cách có hiệu quả các lợi thế so sánh chính quyền các cấp của Việt Nam phải xây dựng Chương trình phát huy lợi thế so sánh. Trong chương trình ấy phải nói rõ thứ tự phát huy đối với các lợi thế so sánh đã được xác định, cách thức phát huy đối với từng lợi thế so sánh trong từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Thực trạng phát huy lợi thế so sánh để phát triển kinh tế ở Việt Nam

Chính phủ và chính quyền các địa phương của Việt Nam chưa phát huy có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh để phát triển kinh tế. Việt Nam là một trong số ít quốc gia ở Đông Nam Á có tiềm năng và lợi thế lớn (đặc biệt có nhiều di sản thiên nhiên và di sản văn hóa được thế giới công nhận) để phát triển du lịch và sản xuất nông sản. Năm 2017 [3], trong khi Việt Nam có gần 94 triệu dân thì chỉ đón được 13 triệu khách quốc tế còn Thái Lan chỉ có 66 triệu dân thì họ đón tới 33 triệu du khách quốc tế, Singapore [4] có khoảng 6 triệu người nhưng họ đón tới khoảng 17 triệu du khách quốc tế (doanh thu từ du lịch đạt khoảng 26,8 tỉ USD). Việt Nam xuất khẩu 214 tỉ USD, trong đó có khoảng 25 tỉ USD nông sản nhưng nhập khẩu thịt, trái cây, sữa tới khoảng 8,5 tỉ USD. Việc phát huy lợi thế so sánh để phát triển kinh tế của Việt Nam còn hạn chế. Ngoài những điều dẫn ở trên đến đây tác giả muốn nhấn mạnh thêm rằng, tuy nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng nhanh (khoảng 6,05% trong giai đoạn 2011-2017) nhưng GDP bình quân đầu người vẫn thấp xa so với mức của một số quốc gia trong khu vực Đông Á. Năm 2017 [5], GDP/người tính theo giá hiện hành của Việt Nam đạt khoảng 2400 USD, bằng khoảng 37% của Thái Lan, 23% của Malaysia, 4% của Singapore, 8% của Hàn Quốc, 5,6% của Nhật Bản.

Ở Việt Nam chính quyền các địa phương đang rất lúng túng trong việc phát huy lợi thế so sánh để phát triển kinh tế. Thành phố Hà Nội là một trong những trường hợp đó. Có thể nói thành phố này có tiềm năng, thế mạnh và lợi thế so sánh vượt trội so các tỉnh phía Bắc, miền Trung cũng như trong cả nước. Căn cứ vào số liệu thống kê 2017 của thành phố và của Tổng cục thống kê tác giả tính toán sơ bộ đã cho thấy lợi thế so sánh của Hà Nội nếu được phát huy tốt sẽ tạo ra sự phát triển kinh tế có tính bứt phá cho thành phố. Diện tích đang sử dụng cho nông nghiệp của thành phố Hà Nội có khoảng 157.200 ha. Theo quy hoạch phát triển đến 2030 và tầm nhìn đến 2050, thành phố có thể chuyển khoảng 2/3 số đất nông nghiệp sang cho mục đích phi nông nghiệp (riêng đất xây dựng đô thị khoảng 55-60 nghìn ha. Nếu sử dụng tốt quỹ đất này thành phố sẽ có nguồn vốn từ đất tới khoảng 10-15 nghìn tỉ VNĐ). Dân số đô thị của Hà Nội sẽ có khoảng 6,5-7 triệu người, sắp tới mỗi năm thu hút khoảng 15-16 triệu khách du lịch (riêng khách quốc tế khoảng 5-6 triệu người. Nhu cầu nông sản thực phẩm sạch, hữu cơ, chất lượng cao là rất lớn (tương đương khoảng 150 tỉ VNĐ) và du lịch có thể đóng góp vào GRDP cho thành phố khoảng 10-15%. Hà Nội đang và sẽ là trung tâm thương mại phát luồng lớn ở phía Bắc Việt Nam. Vào năm 2050 cả miền Bắc sẽ có số dân khoảng 55-57 triệu người. Nếu Hà Nội tham gia cung cấp sản phẩm hàng hóa tiêu dùng cho họ thì đã có tổng mức bán lẻ khoảng 65 nghìn tỉ VNĐ... Tuy thế, sản xuất nông nghiệp của thành phố Hà Nội chưa phát triển như tiềm năng, du lịch chưa khai thác được tiềm năng, lợi thế của thành phố. Trong khi công ti điện thoại Samsung của tỉnh Thái Nguyên làm ra

khoảng 16 tỉ USD xuất khẩu (năm 2017) thì tổng giá trị xuất khẩu của Hà Nội chỉ đạt khoảng 12 tỉ USD. Theo phân tích sơ bộ như thế đã cho thấy vai trò của chính quyền Hà Nội đối với việc phát huy lợi thế so sánh đang còn hạn chế, việc phát huy lợi thế so sánh chưa đem lại hiệu quả tương xứng với tiềm năng, lợi thế của thành phố.

Bên cạnh đó cũng có một số địa phương phát huy tốt lợi thế so sánh để bứt tốc về phát triển kinh tế. Tiêu biểu trong số này là tỉnh Bắc Ninh. Chính quyền tỉnh đã biết tận dụng cơ hội và phát huy lợi thế so sánh về vị trí địa lý thuận lợi (cách sân bay Nội Bài chỉ khoảng 20 km, cách cảng biển Hải Phòng khoảng 90 km, cách Thủ đô Hà Nội khoảng 25 km), có nhiều diện tích lúa năng suất thấp có thể chuyển qua để phát triển công nghiệp, nguồn lao động có chất lượng hơn nhiều địa phương xung quanh) để thu hút đầu tư FDI với những dự án lớn và sử dụng công nghệ cao. Đến năm 2017[6], ở Bắc Ninh công nghiệp đã chiếm khoảng 97% trong tổng GRDP của tỉnh, giá trị xuất đạt khoảng 29 tỉ USD (chiếm hơn 13% so cả nước trong khi dân số chỉ chiếm 1,3%) và GRDP/người đã đạt khoảng 5900 USD (gấp khoảng 2,4 lần mức trung bình của cả nước).

2.3. Tăng cường vai trò của nhà nước để phát huy lợi thế so sánh nhằm gia tăng phát triển kinh tế của quốc gia cũng như của các địa phương

Để tăng cường vai trò của nhà nước trong việc phát huy lợi thế so sánh để phát triển kinh tế đất nước và của các địa phương chính quyền trung ương và chính quyền các địa phương cần thực hiện tốt mấy việc chính dưới đây:

2.3.1. Nâng cao năng lực quản trị nhà nước

Từ trung ương tới cơ sở (xã) đều phải nâng cao năng lực quản lý nhà nước.

- Đối với chính quyền trung ương

Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia là vô cùng cần thiết. Năm 2018 Việt Nam xếp thứ 77/140 quốc gia tham gia xếp hạng năng lực cạnh tranh quốc gia (năm 2017 Việt Nam xếp thứ 74/135; năm 2013 Việt Nam xếp 70/148 quốc gia tham gia xếp hạng [7]). Đồng thời với cải cách hành chính quyết liệt Nhà nước tiếp tục kí kết các Hiệp định thương mại tự do để mở rộng thị trường và cơ hội giao thương cho doanh nghiệp. Đến nay Việt Nam đã kí kết 12 Hiệp định thương mại tự do và đang xem xét 4 Hiệp định nữa để kí kết với các nước. Đồng thời, chính phủ cần hỗ trợ các doanh nghiệp của Việt Nam tham gia chuỗi giá trị và tham gia mạng phân phối toàn cầu để giảm thiểu bất lợi và thua thiệt trong giao thương quốc tế. Chính phủ cần có chính sách khuyến khích xuất khẩu (nhất là đối với doanh nghiệp hoặc sản phẩm xuất khẩu lần đầu). Điều chỉnh linh hoạt tỉ giá để đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, có lợi cho phát triển kinh tế quốc gia và cho người sản xuất. Đồng thời, rà soát lại việc phân cấp để trình Quốc hội hoàn thiện luật pháp, chính sách về phân cấp, phân quyền cho các tỉnh cũng như chính quyền tỉnh phân cấp hợp lý hơn cho cấp huyện, cấp huyện phân cấp hợp lý cho cấp xã. Trong quá trình phân cấp cần chú ý những quy định về kiểm soát quyền lực, lợi ích nhóm dẫn đến cục bộ, khép kín và làm thất thoát tiền của, tài sản của nhà nước.

Trong việc hoạch định chủ trương phát triển (định hướng phát triển kinh tế - xã hội) cho cả nước và cho các vùng kinh tế lớn, điều cực kỳ quan trọng là Chính phủ có trách nhiệm hướng dẫn các địa phương và người dân phát triển những ngành nghề có thu nhập cao, có năng suất lao động cao. Chính phủ cần hướng dẫn các địa phương xác định lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh của mỗi địa phương để phát triển những sản phẩm chủ lực cho mỗi tỉnh và huyện. Chính phủ cần chỉ đạo chính quyền tỉnh, chính quyền tỉnh chỉ đạo chính quyền huyện có hướng dẫn thỏa đáng để các xã phát triển chuyên môn hóa nhưng tránh tình trạng sản xuất manh mún không tạo ra sức mạnh tổng hợp theo tiến trình sản xuất chuyên môn hóa quy mô lớn. Mỗi xã một sản phẩm nhưng phải hướng tới sản xuất lớn. Thực tế cho thấy có thể nhiều xã sản xuất một loại sản phẩm hàng hóa đem lại hiệu quả cao. Ví dụ, nhiều xã trồng dưa nguyên liệu cho một nhà máy chế biến dưa. Nhiều xã ở Tây Nguyên và Miền Đông Nam bộ trồng cà phê để tạo nên vùng trồng cà phê lớn gắn với

một nhà máy chế biến... Chính phủ chỉ đạo các địa phương kiểm soát tốt tình hình biến đổi khí hậu, thiên tai để hướng dẫn các địa phương có giải pháp ứng phó một cách có hiệu quả để tránh bớt rủi ro từ biến đổi khí hậu và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai.

- Đối với chính quyền địa phương

Chính quyền các địa phương cần nâng cao năng lực quản trị địa phương, tiến hành đánh giá lợi thế so sánh và chuyên hóa những lợi thế so sánh ấy thành lợi thế cạnh tranh để xác định phương án quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đồng thời, căn cứ vào định hướng phát triển quốc gia, các vùng kinh tế lớn mà tiến hành lựa chọn phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực then chốt và các sản phẩm chủ lực của địa phương. Từ đó hình thành các phương án thu hút vốn đầu tư (nhất là đầu tư FDI), phát triển doanh nghiệp, phát triển nhân lực và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển. Chính quyền địa phương cụ thể hóa luật pháp, chính sách của nhà nước trên địa bàn, ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách đặc thù của địa phương để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chính quyền địa phương cần tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương. Các thành phố trực thuộc trung ương và những tỉnh có quy mô kinh tế lớn mang ý nghĩa đầu tàu kinh tế của cả nước cần đứng ở nhóm 10 trong bảng xếp hạng PCI và PAPI của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2.3.2. Chính phủ tiếp tục ký kết các Hiệp định thương mại tự do và tổ chức triển khai có hiệu quả các Hiệp định đã ký kết với các quốc gia trên thế giới

Chính phủ và chính quyền các địa phương cần phối hợp chặt chẽ để dự báo rủi ro và cách thức ứng phó đối với bất trắc, rủi ro trong quá trình tham gia toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời, cần thông tin kịp thời các nội dung, yêu cầu của các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết tới doanh nghiệp và người dân để họ chủ động xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, tham gia toàn cầu hóa một cách có hiệu quả cao.

2.3.3. Chính phủ và chính quyền các địa phương tổ chức đánh giá chất lượng phát triển và quản lý phát triển

Ở Việt Nam nên tổ chức đánh giá chất lượng phát triển đối với các doanh nghiệp và đối với các tỉnh. Chính phủ và Chính quyền các tỉnh nên thành lập một tổ chức có chức năng tương đối độc lập để đánh giá chất lượng phát triển và chất lượng quản lý phát triển. Có như thế việc đánh giá mới khách quan, ít bị chi phối bởi hệ thống cơ quan nhà nước. Kết quả đánh giá hàng năm phải được công khai.

Cả nước cũng như mỗi địa phương phải xây dựng được chương trình hành động thiết thực để phát huy lợi thế so sánh quốc gia và của mỗi địa phương. Trong quá trình quản lý phát triển phải coi năng suất lao động và hiệu quả tổng hợp là tiêu chí cao nhất để phấn đấu phát triển.

3. Kết luận

Việc xác định và phát huy lợi thế so sánh của quốc gia hay của địa phương là vấn đề cực kỳ quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với thành bại của công cuộc phát triển kinh tế và góp phần giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường, an ninh quốc phòng. Nhà nước có vai trò to lớn đối với vấn đề phát huy lợi thế so sánh để thịnh vượng kinh tế. Các cấp chính quyền ở nước ta cần quán triệt tinh thần này và coi trọng vấn đề xác định, phát huy các lợi thế so sánh để phát triển kinh tế. Đã đến lúc các cấp chính quyền ở Việt Nam không chỉ dừng lại ở việc nói “cần, phải, nên...” phát huy lợi thế so sánh mà phải có chương trình hành động thực sự, thiết thực đối với vấn đề phát huy lợi thế so sánh để thịnh vượng nền kinh tế nước nhà. Nâng cao năng lực quản trị là giải pháp cơ bản để phát huy lợi thế so sánh nhằm phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Tổng cục thống kê, 2015. *Báo cáo thực trạng phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam và nguy cơ tụt hậu; và Niên giám thống kê 2017*.
- [2] Michael Porter, 2015. *Lí thuyết về lợi thế so sánh*. David Ricardo, *The Principles of Taxation*, 2002
- [3] Tổng cục thống kê, Niên giám thống kê 2017.
- [4] <http://www.sggp.org.vn/luong-du-khach-den-singapore>
- [5] Tổng cục thống kê, Niên giám 2017.
- [6] Cục thống kê Bắc Ninh, Niên giám thống kê 2017
- [7] <https://vietnambiz.vn/viet-nam-xep-thu-77140>
- [8] Ngô Thúy Quỳnh, 2013. *Những vấn đề chủ yếu về quản lí nhà nước đối với vùng lãnh thổ*. Nxb Thống kê.
- [9] Ngô Doãn Vịnh , 2014. *Giải thích thuật ngữ trong nghiên cứu phát triển*. Nxb Chính trị Quốc gia.

ABSTRACT

The role of The State in the promotion of comparative advantages to economic development of localities

Ngo Thuy Quynh

State Management Department of Urban and Rural,

National Academy of Public Administration

Vietnam has 63 provinces and centrally administered cities, each province has its potential strengths and comparative advantages, but in the process of implementing the policy of industrialization and modernization of any locality. It also wants to develop the industry, attract many investment projects with medium and low technology, so labor productivity of many provinces is low. In Vietnam, most localities have not fully utilized their potentials, strengths and comparative advantages for economic development, formulating key products in order to spearhead economic prosperity and sustainability. This article clarifies the orientation of state management to bring into full play the potentials, strengths and comparative advantages of localities to enrich the local economy as well as the national prosperity.

Keywords: Role, comparative advantage, competitive advantage, economic development efficiency and sustainability.